

CÔNG TY CỔ PHẦN GOPCO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GOPCO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GOPCO VN .JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108129827

3. Ngày thành lập: 15/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6 ngách 192/27 thôn Tụ Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961842345

Fax:

Email: gopcovietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ các hoạt động có liên quan đầu giá	4513
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
3.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, hệ thống chiếu sáng, hệ thống hút bụi	4329
4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5.	Phá dỡ	4311
6.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
7.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
8.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690(Chính)
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

13.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ ngũ kim	4663
15.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
16.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
17.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ các hoạt động có liên quan đấu giá	4511
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ các hoạt động có liên quan đấu giá	4530
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
22.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; Chống ẩm các tòa nhà; uốn thép; xây gạch và đặt đá	4390
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ quặng uranium và thorium)	4662
26.	Xây dựng nhà các loại	4100
27.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
28.	Xây dựng công trình công ích	4220
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
32.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu	7730
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN KHẮC TÚ	Xóm Ấm, Xã Hồng Tiến, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	170.000	1.700.000.000	34,000	091567705	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	170.000	1.700.000.000	34,000		
2	ĐỒNG HỮU THÁI	Đội 4, thôn An Thổ, Xã Nguyên Giáp, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	165.000	1.650.000.000	33,000	142358443	
			Tổng số	165.000	1.650.000.000	33,000		

